

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2
CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11 – CÁNH DIỀU
NĂM HỌC: 2025-2026

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đối với vai trò về kinh tế trong chăn nuôi, trị bệnh hiệu quả có tác dụng gì?

- A. Giúp con vật nhanh chóng phục hồi B. Giảm tỉ lệ chết và loại thải vật nuôi
C. Giảm thiệt hại trong chăn nuôi D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 2: Đối với sức khoẻ cộng đồng, ngăn chặn và kiểm soát tốt một số bệnh có thể lây truyền từ động vật sang người sẽ giúp:

- A. Con người miễn nhiễm khỏi bệnh tật, không còn lo lắng về sức khoẻ ở bất cứ đâu.
B. Bảo vệ cho người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất cũng như người tiêu dùng và cộng đồng nói chung.
C. Hình thành thói quen tốt trong chăn nuôi và ăn uống.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 3: Nguy cơ phát sinh bệnh cũng như hiệu quả trong kiểm soát bệnh **không** có liên quan đến yếu tố nào sau đây?

- A. Chi phí đầu tư nguyên vật liệu B. Con giống
C. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc D. Yếu tố môi trường

Câu 4: Vì sao phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ môi trường?

- A. Vì phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi sẽ giúp giảm nguy cơ tồn tại, lây lan và phát tán mầm bệnh
B. Vì phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi giúp giảm sử dụng các biện pháp chống dịch tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, ví dụ như: khử trùng chuồng trại bằng hoá chất, xử lý chất thải và xác động vật bằng cách chôn, đốt,...
C. Vì khi được phòng, trị bệnh hiệu quả, vật nuôi sẽ sinh trưởng tốt, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, rút ngắn thời gian nuôi cũng góp phần bảo vệ môi trường
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5: Cho đến nay, các nhà khoa học đã phát hiện ra khoảng bao nhiêu loại mầm bệnh (virus, vi khuẩn, kí sinh trùng và nấm mốc gây bệnh cho người)?

- A. 800 B. 1400 C. 2000 D. 2800

Câu 6: Có khoảng bao nhiêu bệnh truyền lây chung giữa động vật và người?

- A. 80 B. 180 C. 800 D. 1800

Câu 7: Những thập niên gần đây, có khoảng bao nhiêu % số bệnh mới nổi ở người là có liên quan đến động vật?

- A. 20% B. 45% C. 75% D. 92%

Câu 8: Câu nào sau đây **không** đúng về virus cúm A/H5N1?

- A. Là một phân tuýp gây bệnh cao của virus cúm gia cầm loại A, có sẵn hemagglutinin tuýp 5 (H5) và neuraminidase tuýp 1 (N1).
B. Virus cúm A(H5N1) có nguồn gốc từ gia cầm và chim hoang dã, có thể gây tử vong ở người và một số động vật khác.
C. Virus này giống với virus cúm ở người, có thể dễ dàng lây truyền rộng khắp giữa người với người.
D. Virus H5N1 lần đầu tiên được phát hiện chính xác trong ngỗng nhà ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc vào năm 1996.

Câu 9: Ngành chăn nuôi đã đóng góp bao nhiêu % vào GDP nông nghiệp của Việt Nam?

- A. 15% B. 25% C. 55% D. 85%

Câu 10: Đâu **không** phải một bệnh ở vật nuôi?

- A. Bệnh Circo virus B. Bệnh dịch tả vịt C. Bệnh đầu đen D. Bệnh trầm cảm

Câu 11: Câu nào sau đây đúng về ngành chăn nuôi ở Việt Nam?

- A. Ngành chăn nuôi ở Việt Nam là một bộ phận quan trọng cấu thành của nông nghiệp Việt Nam cũng như là một nhân tố quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, tình hình chăn nuôi ở Việt Nam phản ánh thực trạng chăn nuôi, sử dụng, khai thác, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm động vật (súc vật nuôi) và tình hình thị trường liên quan tại Việt Nam.
B. Chăn nuôi Việt Nam có lịch sử từ lâu đời và đóng góp lớn vào cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo cũng như đời sống từ bao năm qua.
C. Hiện nay, theo xu thế của một nền kinh tế đang chuyển đổi, chăn nuôi Việt Nam cũng có những bước đi mới và đạt được một số kết quả nhất định.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 12: Câu nào sau đây **không** đúng về ngành chăn nuôi ở Việt Nam?

- A. Trong ngành chăn nuôi thì phòng, trị bệnh tốt là những yếu tố quan trọng nhất đối với người nuôi, những yếu tố này là cả một quá trình đầu tư, học tập, tích lũy kinh nghiệm và đào tạo huấn luyện một cách thường xuyên nhưng ở chăn nuôi Việt Nam thì lại còn bất cập và nhiều khó khăn, nhất là công tác quản lý và công tác thị trường.
B. Hạn chế của chăn nuôi Việt Nam vẫn là quy mô nhỏ, năng suất thấp, lệ thuộc vào nguyên liệu, con giống, kỹ thuật và thị trường của nước ngoài, sức cạnh tranh kém cũng như việc sử dụng chất kháng sinh, chất cấm, chất độc trong chăn nuôi và tiêu dùng còn rất cao.
C. Trong thời gian hiện nay có xuất hiện những thách thức và nguy cơ ngày càng rõ rệt đang đe dọa đến sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi Việt Nam, đặc biệt và nhất là trong tình hình hội nhập và cạnh tranh kinh tế càng gay gắt.
D. Đã có những quan ngại giáng lên về sự phá sản, xóa sổ của ngành chăn nuôi Việt Nam khi hội nhập quốc tế với những hiệp định thương mại quốc tế, chăn nuôi trong nước sẽ đứng trước nguy cơ xóa sổ vì không cạnh tranh được với thịt nhập khẩu.

Câu 13: Bệnh dịch tả lợn cổ điển là:

- A. Bệnh truyền nhiễm do virus nhóm A gây ra, tác động đến lợn ở nhiều góc độ, làm mất hệ miễn dịch và lây lan nhanh ra đồng loại.
B. Bệnh truyền nhiễm do virus gây ra ở mọi lứa tuổi của lợn với mức độ lây lan rất mạnh và tỉ lệ chết cao 80 – 90%.
C. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở tuổi trưởng thành. Kí sinh trùng bộc phát nhanh chóng trong cơ thể và lây lan sang cơ thể của con vật khác.
D. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở mọi độ tuổi. Kí sinh trùng bộc phát nhanh chóng trong cơ thể và lây lan sang cơ thể của con vật khác.\

Câu 14: Đối với bệnh dịch tả lợn cổ điển thì con đường chính mà mầm bệnh xâm nhập vào vật nuôi là:

- A. Qua tiêu hoá B. Qua hô hấp
C. Qua da, niêm mạc mắt và đường sinh dục D. Cả A và B.

Câu 15: Đóng dấu lợn là:

- A. Bệnh truyền nhiễm do virus gây nên, thường xuất hiện ở lợn trên 10 tháng tuổi và thường ghép với bệnh nở huyết trùng.
B. Bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây nên, thường xuất hiện ở lợn trên 3 tháng tuổi và thường ghép với bệnh tụ huyết trùng.
C. Bệnh kí sinh trùng tác động lên vùng mông của lợn, khiến cho lợn gặp các vấn đề sinh sản, tiêu hoá.
D. Bệnh kí sinh trùng tác động lên vùng đầu của lợn, khiến cho lợn gặp các vấn đề về nghe – nhìn, ăn uống.

Câu 16: Khả năng lây truyền của bệnh đóng dấu lợn như thế nào?

- A. Không lây truyền
- B. Chỉ lây truyền sang các loài động vật khác
- C. Chỉ lây truyền sang con người
- D. Có thể lây sang người và một số loài động vật khác

Câu 17: Đối với bệnh đóng dấu lợn, mầm bệnh là:

- A. Vi khuẩn Gram dương *Bacterial crixiopathrix*
- B. Vi khuẩn Gram dương *Erysipelothrix rhusiopathiae*
- C. Vi khuẩn Gram âm *Bacterial crixiopathrix*
- D. Vi khuẩn Gram âm *Erysipelothrix rhusiopathiae*

Câu 18: Bệnh phân trắng lợn con là:

- A. Bệnh kí sinh trùng phổ biến, xảy ra quanh năm, nhất là ở lợn nuôi thả rông và ăn rau bèo thủy sinh tươi sống
- B. Bệnh khá phổ biến ở lợn từ 3 đến 21 ngày tuổi, thường xảy ra khi thời tiết thay đổi.
- C. Bệnh truyền nhiễm ở lợn con, các virus lây truyền làm cho phân của lợn trắng ra.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 19: Đây là nguyên nhân gây ra bệnh phân trắng lợn con?

- A. Điều kiện vệ sinh, dinh dưỡng: Lợn mẹ giai đoạn mang thai không được nuôi dưỡng, chăm sóc thích hợp, ví dụ như thiếu sắt và vitamin B12, lợn con theo mẹ không được cung cấp đủ dinh dưỡng; chuồng trại ẩm ướt, lạnh, bẩn.
- B. Do đặc điểm sinh lí lợn con: Lợn mới sinh ra có hệ tiêu hoá chưa hoàn chỉnh nên khả năng tiêu hoá kém; trung khu điều tiết nhiệt độ cơ thể và hệ miễn dịch chưa hoàn chỉnh làm cho con vật khó thích ứng với thay đổi môi trường và dễ nhiễm bệnh.
- C. Do vi khuẩn: Khi sức đề kháng của con vật bị giảm thì các loại vi khuẩn đường ruột như *E. coli* và *Salmonella* sẽ phát triển mạnh mẽ và tăng khả năng gây bệnh.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 20: Con vật còn sống sót sau khi bị bệnh dịch tả lợn cổ điển thường:

- A. Phát triển nhanh chóng, khoẻ mạnh, có sức đề kháng rất cao.
- B. Phát triển nhanh đột biến nhưng chất lượng thịt có thể gây hại cho người tiêu dùng.
- C. Còi cọc, chậm lớn.
- D. Còi cọc, chậm lớn nhưng chất lượng thịt rất tốt.

Câu 21: Virus gây bệnh dịch tả lợn cổ điển là loại:

- A. RKN virus, thuộc chi furovirus, họ Rubivirata
- B. RKN virus, thuộc chi tombusvirus, họ Camaviridae
- C. RNA virus, thuộc chi Comovirus, họ Picornavirata
- D. RNA virus, thuộc chi Pestivirus, họ Flaviviridae

Câu 22: Đây **không** phải một biện pháp đúng để phòng bệnh dịch tả lợn cổ điển?

- A. Hạn chế người lạ vào khu chăn nuôi
- B. Cách li 100 ngày với lợn mới nhập về
- C. Chú ý giữ gìn vệ sinh
- D. Để trống chuồng 2 tuần giữa các lứa nuôi

Câu 23: Đây là một cách phòng bệnh đóng dấu?

- A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật.
- B. Tiêm vaccine phòng bệnh theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y, thường là tiêm lúc lợn 10 tháng tuổi, sau đó tiêm nhắc lại 5 tháng một lần.
- C. Sử dụng các loại thức ăn công thức khi thấy lợn có biểu hiện không tốt về sức khoẻ.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 24: Bệnh đóng dấu lợn có thể điều trị được bằng:

- A. Các loại thuốc hoạt huyết nhằm hỗ trợ việc lưu thông máu, tránh tụ máu.
- B. Các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram âm kết hợp với một số thuốc trợ sức.

C. Các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với một số thuốc trợ sức.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 25: Bệnh kí sinh trùng phổ biến, xảy ra quanh năm, nhất là ở lợn nuôi thả rông và ăn rau bèo thủy sinh tươi sống là bệnh gì?

A. Bệnh dịch tả lợn hiện đại

B. Bệnh mở đầu lợn

C. Bệnh giun đũa lợn

D. Bệnh phân trắng lợn con

Câu 26: Đây là biểu hiện của bệnh phân trắng lợn con ở giai đoạn sau?

A. Con vật bỏ bú, run rẩy, hạ thân nhiệt

B. Con vẫn bú mẹ, phân màu vàng vón lại như hạt đậu, sau đó phân loãng dần và có màu trắng

C. Con vật trở nên yếu hẳn về thị giác và thính giác

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 27: Đây **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh dịch tả lợn cổ điển?

A. Lợn bị bệnh thường bị lạnh, cơ thể chỉ còn 30 – 31°C, ăn nhiều nhưng uống ít nước

B. Lợn bị bệnh có những biểu hiện như mũi khô, mắt đỏ, phân táo

C. Ở giai đoạn sau, con vật bị tiêu chảy; trên da, nhất là chỗ da mỏng như bụng, sau tai,... có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt; tại và mõm bị tím tái.

D. Khi mổ khám thường thấy các cơ quan nội tạng như dạ dày, ruột, thận, bàng quang... có xuất huyết lấm chấm như đinh ghim; niêm mạc đường tiêu hoá, nhất là ruột già, có các nốt loét hình tròn đồng tâm màu vàng, nâu.

Câu 28: Đây **không** phải biện pháp xử lý bệnh dịch tả lợn cổ điển?

A. Dùng thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn cổ điển.

B. Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.

C. Cách ly triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển lợn từ nơi khác về.

D. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y, bao gồm: tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng triệt để khu vực chăn nuôi và phương tiện, dụng cụ bằng biện pháp thích hợp.

Câu 29: Dưới đây là những biểu hiện đặc trưng của bệnh đóng dấu lợn. Ý nào **không** đúng?

A. Con vật sốt cao trên 40 °C, bỏ ăn, sưng khớp gối.

B. Trên da có dấu hình vuông, tròn, màu đỏ, sau đó tạo vảy bong tróc ra

C. Khi mổ khám thường thấy máu tụ lại ở tim, các cơ quan nội tạng như dạ dày, ruột, tim, phổi, gan và thận sưng, màu đen

D. Khi mổ khám thường thấy viêm khớp và viêm màng trong tim

Câu 30: Đây **không** phải biểu hiện đúng của bệnh giun đũa lợn?

A. Con vật không to ra về khung xương, nạc thịt mà trở nên béo mềm, lông ngắn lại,...

B. Khi ấu trùng giun tác động lên phổi sẽ gây viêm phổi

C. Khi có quá nhiều giun thì có thể gây tắc ống mật, tắc ruột, thủng ruột

D. Có thể tìm được trứng giun khi xét nghiệm phân

Câu 31: Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh giun đũa lợn. Ý nào **không** đúng?

A. Giữ vệ sinh chuồng nuôi và sân chơi. Ủ phân đúng cách để diệt trứng giun.

B. Không thả rông và không cho lợn ăn rau bèo thủy sinh tươi sống.

C. Định kì 2 tháng một lần tẩy giun cho lợn, kể cả lợn đang mang thai, đang nuôi con và lợn con theo mẹ.

D. Sử dụng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. Thường dùng thuốc trộn vào thức ăn với một liều duy nhất.

Câu 32: Câu nào sau đây **không** đúng?

- A. Để phòng bệnh phân trắng lợn con, ta cần: đảm bảo dinh dưỡng đầy đủ cho lợn mẹ khi mang thai và khi nuôi con; tiêm chế phẩm bổ sung sắt cho lợn con vào thời điểm 3 và 10 ngày tuổi,...
- B. Để điều trị bệnh phân trắng lợn con, ta cần:
- C. Dịch tả lợn châu Phi là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do African swine fever virus (ASFV) gây ra, lây lan rất nhanh trên đàn lợn, tỉ lệ lợn chết rất cao.
- D. Có 18 bệnh chỉ lây từ lợn sang người, ví dụ như bệnh đóng dấu lợn, liên cầu lợn, xoắn khuẩn, giun bao, gạo lợn,... Khi con vật bị bệnh hoặc mang trùng thì các sản phẩm của chúng thường chứa mầm bệnh.

Câu 33: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

- A. Bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra
- B. Bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra
- C. Bệnh kí sinh trùng cấp tính do trùng Toxoplasma gây ra
- D. Bệnh kí sinh trùng mãn tính do trùng Toxoplasma gây ra

Câu 34: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Mùa xuân B. Mùa khô C. Mùa mưa D. Quanh năm

Câu 35: Một trong những bệnh kí sinh trùng đường máu phổ biến gây thiệt hại nghiêm trọng cho đàn trâu, bò là:

- A. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò B. Bệnh chướng hơi dạ cỏ
- C. Bệnh viêm vú D. Bệnh tiên mao trùng

Câu 36: Bệnh tiên mao trùng thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Các tháng nóng ẩm, mưa nhiều B. Các tháng lạnh lẽo, khô ráo
- C. Các tháng nắng nóng, hanh khô D. Các tháng mưa phùn, giá rét

Câu 37: Đâu **không** phải biểu hiện của con vật bị bệnh chướng hơi dạ cỏ?

- A. Dạ cỏ căng to, nhất là ở hõm hông bên trái B. Lưng hơi lõm xuống
- C. Ngừng ăn D. Khó thở và có thể chết do ngạt thở trong trường hợp cấp tính

Câu 38: Đâu là một nguyên nhân gây nên bệnh chướng hơi dạ cỏ?

- A. Môi trường không khí không trong lành, chứa nhiều hạt vi bụi M10.
- B. Thức ăn bị nhiễm chất độc acid sulfuric hữu cơ
- C. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi như lá cải bắp, lá khoai lang, ngọn mía, cỏ bị ướt sương hoặc nước mưa,...
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 39: Viêm vú là:

- A. Bệnh thường gặp ở trâu, bò cái sinh sản, nhất là bò sữa cao sản và trong điều kiện nóng ẩm như ở Việt Nam.
- B. Bệnh thường gặp ở trâu, bò đực, do tuyến vú không phát triển mạnh dẫn đến việc dễ bị tấn công bởi các tác động từ bên ngoài.
- C. Bệnh thường gặp ở nữ giới vào những ngày thời tiết nóng nực, thường là do việc không vệ sinh sạch sẽ.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 40: Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?

- A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết
- B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể
- C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phận trên cơ thể
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 41: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

- A. Vi khuẩn Gram dương Pasteurella B. Vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan
- C. Vi khuẩn Gram âm Pasteurella D. Vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan

Câu 42: Ở thể cấp tính của bệnh tiên mao trùng, con vật có biểu hiện gì?

- A. Con vật sốt gián đoạn (ngày sốt, ngày không)
- B. Thiếu máu suy nhược kéo dài, mất dần khả năng sản xuất, có thể dẫn đến chết hàng loạt
- C. Thường sốt cao, rối loạn thần kinh và chết nhanh
- D. Cả A và B.

Câu 43: Trâu, bò bị nhiễm bệnh tiên mao trùng thông qua vật trung gian truyền bệnh là:

- A. Các loại ruồi trâu hút máu
- B. Các loại châu chấu, sâu bọ
- C. Các loại thức ăn không hợp vệ sinh
- D. Các loại cỏ đồng

Câu 44: Câu nào sau đây là đúng về các biện pháp phòng và trị bệnh tiên mao trùng?

- A. Đảm bảo vệ sinh chuồng trại và bãi chăn thả, phát quang bụi rậm và định kì phun thuốc diệt côn trùng.
- B. Ở những vùng thường xuyên xuất hiện bệnh thì có thể dùng thuốc đặc trị tiêm phòng cho gia súc vào mùa phát bệnh.
- C. Con vật mắc bệnh cần được cách li, điều trị kịp thời bằng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 45: Dưới đây là những biểu hiện của bệnh viêm vú. Ý nào **không** đúng?

- A. Bầu vú sưng, nóng, đỏ
- B. Sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn
- C. Sữa có mùi hôi, chuyển dần sang màu đen
- D. Con vật đau đớn nên không cho con bú, không cho vắt sữa

Câu 46: Đâu có thể là nguyên nhân gây ra bệnh viêm vú?

- A. Vắt sữa không đúng kĩ thuật
- B. Điều kiện vệ sinh chuồng trại và thân thể vật nuôi không đảm bảo
- C. Không cho vật nuôi ăn thức ăn lên men
- D. Cả A và B.

Câu 47: Đâu **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng trâu bò?

- A. Thời gian ủ bệnh từ 10 đến 30 ngày
- B. Con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42 °C, đi lại khó khăn
- C. Niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm; chảy nước mắt, nước mũi
- D. Ban đầu bị táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu và dịch nhầy

Câu 48: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò có đặc điểm gì?

- A. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường khô thoáng, ít chất hữu cơ và nhiều ánh sáng.
- B. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường đất ẩm ướt, nhiều chất hữu cơ và thiếu ánh sáng.
- C. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, khó bị tiêu diệt trong môi trường thông thường.
- D. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, dễ bị tiêu diệt bởi các loại thuốc sát trùng thông thường

Câu 49: Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Ý nào **không** đúng?

- A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống.
- B. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.
- C. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim.
- D. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lí và điều trị bệnh.

Câu 50: Mầm bệnh của bệnh tiên mao trùng là gì?

- A. Tiên mao trùng Trypanosoma evansi, một loại kí sinh trùng đa bào, có hình bầu dục, sống cộng sinh và di chuyển trong máu theo dòng.
- B. Tiên mao trùng Trypanosoma evansi, một loại kí sinh trùng đơn bào, có hình mũi khoan, sống kí sinh và di chuyển được trong máu nhờ một roi tự do.
- C. Tiên mao trùng Hankon WS, một loại kí sinh trùng đa bào, có hình bầu dục, sống cộng sinh và di chuyển trong máu theo dòng.
- D. Tiên mao trùng Hankos WS, một loại kí sinh trùng đơn bào, có hình mũi khoan, sống kí sinh và di chuyển được trong máu nhờ một roi tự do.

Câu 51: Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh chướng hơi dạ cỏ. Ý nào **không** đúng?

- A. Tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi.
- B. Khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.
- C. Một cách điều trị: Cho con vật nằm kê cao đầu; dùng rom, cỏ khô chà sát vào vùng hõm hông bên trái; dùng tay kéo lưỡi con vật theo nhịp thở, có thể móc bớt phân ở trực tràng.
- D. Bệnh này tuy nhẹ nhưng tuyệt đối không được sử dụng các bài thuốc đông y, để gây phản tác dụng

Câu 52: Đoạn sau đây nói về cách điều trị bệnh viêm vú: *“Dùng cao tiêu viêm xoa vào bầu vú bị viêm. Dùng thuốc đặc trị viêm vú bơm vào bầu vú qua lỗ tiết sữa. Tiêm calcium và taurine vào bắp thịt con vật. Thụt rửa bầu vú bị viêm bằng các loại thuốc sát trùng như thuốc tím, rivanol, lugol,... Việc sử dụng các loại thuốc cần phải theo đơn thuốc của bác sĩ thú y và hướng dẫn của nhà sản xuất.”*

Chi tiết nào trong đoạn trên **không** đúng?

- A. “cao tiêu viêm”. Đúng phải là: “nước khử viêm”
- B. “calcium và taurine”. Đúng phải là: “vitamin B1 và cafein”
- C. Cả A và B.
- D. Không có chi tiết nào.

Câu 53: Chẩn đoán di truyền là:

- A. Việc sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị phân tử như nucleic acid (DNA, RNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.
- B. Việc sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị nguyên tử như perclonic acid (PDA, HNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.
- C. Việc áp dụng công nghệ gene để không chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên một mô nhằm xác định bệnh tật.
- D. Việc áp dụng công nghệ hoá - sinh để không chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên cơ thể nhằm xác định bệnh tật.

Câu 54: Ngày nay, PCR được ứng dụng rộng rãi trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, nhất là các bệnh do:

- A. Kí sinh trùng B. Virus và vi khuẩn C. Con người D. Sự nóng lên toàn cầu

Câu 55: Đâu **không** phải ưu điểm của phương pháp PCR?

- A. Cho kết quả nhanh B. Độ nhạy cao C. Thao tác đơn giản D. Độ chính xác cao

Câu 56: Đâu **không** phải nhược điểm của phương pháp PCR?

- A. Các số liệu khó tương thích với các phần mềm máy tính
- B. Thiết bị phức tạp, đắt tiền
- C. Quy trình kĩ thuật phức tạp
- D. Đòi hỏi kĩ thuật viên có kĩ năng cao

Câu 57: Nguồn kháng nguyên sử dụng để sản xuất vaccine bằng công nghệ mới không thể là:

- A. Nucleic acid B. Các đoạn gene C. Protein của mầm bệnh D. Vi sinh vật hoàn chỉnh

Câu 58: Kháng sinh được sản xuất từ vi sinh vật **không** bao gồm:

A. Vi khuẩn B. Tế bào hạt nhân C. Xạ khuẩn D. Nấm mốc

Câu 59: Đối với sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống, các vi sinh vật được:

- A. Nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua quy trình phức tạp để chiết tách kháng sinh
- B. Nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua đun nóng và làm lạnh để chiết tách kháng sinh.
- C. Chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ PCR.
- D. Chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ sinh học.

Câu 60: Phương pháp PCR là:

- A. Một kĩ thuật khống chế hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến
- B. Một kĩ thuật biến đổi hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến
- C. Một kĩ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị nguyên tử được ứng dụng phổ biến
- D. Một kĩ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến

Câu 61: Câu nào sau đây là đúng?

- A. Kĩ thuật xét nghiệm dựa trên chỉ thị nguyên tử như PCR giúp rút ngắn thời gian và nâng cao độ chính xác trong chẩn đoán bệnh vật nuôi.
- B. Các công nghệ mới trong sản xuất vaccine giúp vaccine được tạo ra nhanh, an toàn và hiệu quả hơn so với phương pháp truyền thống.
- C. Công nghệ lên men liên tục giúp kháng sinh được sản xuất ra nhanh, nhiều, đồng đều nhưng giá thành cao hơn so với phương pháp truyền thống.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 62: Đâu **không** phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

- A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi
- B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi
- C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi
- D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại

Câu 63: PCR viết tắt từ:

- A. Protein Chain Reaction B. Protein Copy Reproduction
- C. Polymerase Chain Reaction D. Polymerase Copy Reproduction

Câu 64: PCR có thể được sử dụng để thực hiện hoạt động nào sau đây?

- A. Kiểm tra huyết thống B. Tách dòng gene
- C. Gây đột biến điểm D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 65: Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

- A. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khỏe của con vật nữa
- B. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn
- C. Giúp vật nuôi trở nên khỏe mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 66: Số lượng của phương pháp PCR như thế nào?

- A. Chỉ có duy nhất một phương pháp PCR
- B. Có 2 phương pháp PCR với ưu, nhược điểm đối lập nhau.
- C. Có nhiều phương pháp PCR khác nhau với phạm vi ứng dụng, ưu và nhược điểm khác nhau
- D. Có vô vàn phương pháp PCR vì nó dựa trên cấu trúc của các đoạn gene

Câu 67: Đâu là một công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine?

- A. Công nghệ vaccine tái tổ hợp B. Kĩ thuật triệt phá virus trao đổi gene
- C. Kĩ thuật tấn công trực diện virus D. Công nghệ sử dụng virus angle

Câu 68: Dưới đây là những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. Ý nào **không** đúng?

- A. Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh

- B. Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp
- C. Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn
- D. Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển

Câu 69: Vì sao kháng sinh được sản xuất theo phương pháp truyền thống có giá thành cao và chất lượng mỗi sản phẩm có thể không đồng đều?

- A. Vì kháng sinh được sản xuất và gia công bằng tay, không có máy móc hỗ trợ nên độ chính xác giảm xuống.
- B. Vì việc sản xuất kháng sinh phải trải qua quá trình kiểm nghiệm nghiêm ngặt.
- C. Vì kháng sinh được sản xuất trong hệ thống lên men từng mẻ nên tốn nhiều thời gian để tạo ra một đơn vị sản phẩm.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 70: Vì sao kháng sinh sản xuất theo phương pháp hiện đại được tạo ra nhanh, nhiều, đồng đều với giá thành thấp hơn so với phương pháp truyền thống?

- A. Vì mỗi đơn vị kháng sinh được chăm chút tỉ mỉ, có sự kiểm soát của con người.
- B. Vì kháng sinh được sản xuất ở quy mô công nghiệp trong hệ thống lên men liên tục.
- C. Vì các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh hiện đại có sự tương thích cao hơn hẳn các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 71: Câu nào sau đây **không** đúng về PCR?

- A. PCR là một kỹ thuật trong công nghệ sinh học, do Kary Mullis phát minh ra vào năm 1983, đến nay đã được hoàn thiện qua nhiều cải tiến và được tự động hoá hoàn toàn.
- B. Kỹ thuật này vận dụng các kiến thức sinh học phân tử, nhằm tạo ra vô số bản sao (tức khuếch đại) từ đoạn DNA ban đầu (bản gốc) có khi rất nhỏ với số lượng tối thiểu mà không cần sử dụng các sinh vật sống.
- C. PCR đã được sử dụng rất phổ biến và là công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu PDA thuộc lĩnh vực sinh học, y học, tội phạm học, xác định huyết thống,...
- D. PCR phục vụ nhiều mục đích khác nhau, như phát hiện các bệnh di truyền, nhận dạng tội phạm, nghiên cứu bệnh nhiễm trùng và gần đây là xét nghiệm Covid 19 cũng như giúp sản xuất vaccine chống đại dịch này.

Câu 72: Phân loại thành “chuồng lợn nái hậu bị, chuồng lợn nái đẻ, chuồng gà thịt,...” là kiểu phân loại nào?

- A. Theo đối tượng vật nuôi
- B. Theo giai đoạn sinh trưởng
- C. Theo quy mô chăn nuôi
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 73: Đây là yêu cầu về vị trí, địa điểm xây dựng chuồng nuôi?

- A. Chọn nơi có giao thông thuận tiện
- B. Chọn vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học,...
- C. Chọn vị trí ở trung tâm các thành phố để dễ dàng chứng minh chất lượng của chuồng nuôi
- D. Cả A và B.

Câu 74: Diện tích mỗi ô của chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là:

- A. 5 m²/con
- B. 2 m²/con
- C. 0.7 m²/con
- D. 0.25 m²/con

Câu 75: Máng ăn, máng uống đối với gà nuôi nền có những loại máng thông dụng nào?

- A. Máng ăn tự động và núm uống tự động
- B. Máng dài chia ô và núm uống nhỏ giọt
- C. Máng tròn chia ô và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 76: Chuồng gà đẻ nuôi lồng được thiết kế giống như chuồng gà nuôi nền chỉ khác:

A. Hệ sống vệ sinh B. Hệ thống lồng nuôi C. Hệ thống tản nhiệt D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 77: Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu:

A. Chuồng kín hai dãy C. Chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy
B. Chuồng hở có một hoặc hai dãy D. Phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy

Câu 78: Đây là yêu cầu về mặt bằng xây dựng trong xây dựng chuồng nuôi?

A. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (khách sạn, nhà hàng, sân golf, bể bơi,...)
B. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi,...)
C. Xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.
D. Xây dựng càng nhỏ càng tốt, tối ưu mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian

Câu 79: Đây là yêu cầu về nền chuồng trong xây dựng chuồng nuôi?

A. Nền cao hơn mặt đất 10 – 20 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 1 – 2% đối với chuồng sàn và có rãnh thoát nước đối với chuồng nền.
B. Nền cao hơn mặt đất 30 – 50 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 1 – 2% đối với chuồng nền và có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn.
C. Nền cao hơn mặt đất 60 – 120 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 2 – 5% đối với chuồng nền và có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 80: “Gà con khi mới nở, cần bố trí quây úm cho gà con mới nở ngay tại chuồng. Sử dụng bìu cứng, cốt ép, tấm nhựa,... có chiều cao 40 – 50 cm, đường kính từ 2,5 – 3 m quây úm cho 300 – 500 gà con. Trong quây có bố trí đèn sưởi, máng ăn, máng uống.”

Đây là yêu cầu kỹ thuật cho kiểu chuồng nào?

A. Chuồng nuôi gà thịt B. Chuồng gà đẻ nuôi nền
C. Chuồng gà đẻ nuôi lồng D. Chuồng gà nuôi trên không

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Kể tên một số bệnh ở vật nuôi? Nguy cơ phát sinh bệnh và hiệu quả trong kiểm soát bệnh ở vật nuôi thường liên quan đến những yếu tố nào?

Câu 2: Trình bày vai trò của phòng, trị bệnh đối với kinh tế, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường?

Câu 3: Nêu những lợi ích của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi? Hãy đưa ra một số biện pháp an toàn cho người, vật nuôi và môi trường trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương?

Câu 4: Để thực hiện tốt công tác phòng, trị bệnh cho vật nuôi ở địa phương, em cần làm gì để thuyết phục họ.

Câu 5: Tìm hiểu và cho biết hiện nay có bao nhiêu loại mầm bệnh trên cơ thể vật nuôi. Và chúng có lây lan đến con người hay không?

Câu 6: Mô tả đặc điểm bệnh lở mồm long móng ở lợn và cách điều trị khi vật nuôi bị bệnh.

Câu 7: Căn cứ vào đâu để nhận biết được con vật mắc bệnh cúm gia cầm? Nêu nguyên nhân gây bệnh cúm gia cầm.

Câu 8: Phân tích ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm.

Câu 9: Hãy nêu một số biện pháp cần thực hiện để phòng, trị bệnh cho gia cầm và đảm bảo an toàn cho con người.

Câu 10: Tìm hiểu thêm về một số loại vaccine phòng bệnh cúm gia cầm đang được sử dụng ở Việt Nam.

Câu 11: Bên cạnh những bệnh ở gia cầm đã được học, em hãy chỉ ra bệnh khác ở gia cầm và phương pháp điều trị cụ thể.

Câu 12: Hãy nêu biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Trình bày nguyên nhân gây bệnh tụ huyết trùng trâu bò? Nêu biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò

Câu 13: Cách sử dụng vaccine và thuốc để phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò như thế nào?

Câu 14: Cần tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi khi mắc bệnh chướng hơi dạ cỏ có tác dụng gì?

Câu 15: Tại sao phải cần vệ sinh bầu vú đúng kỹ thuật để phòng bệnh viêm vú ở trâu, bò?

Câu 16: Tìm hiểu về bài thuốc đông y chữa bệnh chướng hơi dạ cỏ.

Câu 17: Nêu khái niệm chẩn đoán di truyền? Một số công nghệ mới được ứng dụng trong sản xuất vaccine hiện nay

Câu 18: Trong sản xuất kháng sinh ở quy mô công nghiệp ngày nay đang được áp dụng công nghệ nào?

Câu 19: Nêu vai trò của công nghệ mới trong sản xuất vaccine.

Câu 20: Nêu ưu điểm của sản xuất kháng sinh trong hệ thống lên men liên tục.

Câu 21: Trình bày kỹ thuật phân tích gen trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh.

Câu 22: Trình bày kỹ thuật biến đổi gen trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh.

Câu 23: Trình bày kỹ thuật kỹ thuật siRNA trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh.

Câu 24: Trình bày kỹ thuật kỹ thuật PCR trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh.

Câu 25: Trình bày kỹ thuật tế bào gốc trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh.

Câu 26: Phân tích những lợi ích đem lại cho ngành chăn nuôi từ việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

Câu 27: Tại sao phải có chuồng nuôi cho vật nuôi? Kể tên kiểu chuồng nuôi gia súc, gia cầm phổ biến.

Câu 28: Chuồng nuôi gia súc, gia cầm cần đảm bảo các yêu cầu xây dựng nào?

Câu 29: Nêu ưu, nhược điểm sử dụng chuồng lồng trong nuôi gà đẻ.

Câu 30: Trình bày một vài yêu cầu về chuồng nuôi bò ở địa phương em.

- HẾT -